



Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh
Ho Chi Minh City University of Foreign Languages – Information Technology

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT



CẤU TRÚC BÀI HỌC

- I. Nguồn gốc và bản chất pháp luật
- II. Thuộc tính của pháp luật
- III. Chức năng, Vai trò của pháp luật
- IV. Các mối quan hệ của pháp luật
- V. Kiểu pháp luật, Hình thức pháp luật

1. Nguồn gốc của pháp luật

* Theo quan điểm Chủ nghĩa Mác Lê Nin

Pháp luật và Nhà nước là 2 hiện tượng cùng xuất hiện, tồn tại, phát triển và tiêu vong gắn liền với nhau;

Pháp luật và Nhà nước là những hiện tượng xã hội mang tính lịch sử, đều là sản phẩm của XH có giai cấp và đấu tranh giai cấp;

Những nguyên nhân hình thành NN cũng là nguyên nhân hình thành pháp luật: sự tư hữu, giai cấp và đấu tranh giai cấp.

PHÁP LUẬT HÌNH THÀNH BẰNG CON ĐƯỜNG NÀO?

Khi xã hội hình thành giai cấp, nhà nước ra đời: Nhà nước cũng cần tạo ra pháp luật để điều chỉnh bằng 2 con đường: (Con đường hình thành PL)

Thừa nhận các quy phạm xã hội, phong tục tập quán, chuyển chúng thành pháp luật

2 con đường

Bằng hoạt động xây dựng pháp luật định ra những quy phạm mới



2. Khái niệm Pháp luật

Pháp luật là:

- Là hệ thống các quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung
- Do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận
- Thể hiện ý chí của Nhà nước
- Được nhà nước bảo đảm thực hiện
- Nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội

II. BẢN CHẤT CỦA PHÁP LUẬT

Tính giai
cấp



Tính xã
hội



III. THUỘC TÍNH CỦA PHÁP LUẬT

1

Tính quy phạm phổ biến

2

Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức

3

Tính được bảo đảm bằng Nhà nước
(tính cưỡng chế)

Tính quy phạm phổ biến

Do pháp luật thể hiện ý chí chung của xã hội nên pháp luật phải **là khuôn mẫu, chuẩn mực buộc mọi người trong xã hội phải tuân thủ** trong những hoàn cảnh như nhau trong phạm vi không gian, thời gian nhất định.

Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức

Nội dung văn bản PL phải được thể hiện trong một hình thức nhất định: tiền lệ pháp, tập quán pháp hay văn bản quy phạm pháp luật.

Ngôn ngữ pháp lý phải rõ ràng, chính xác, một nghĩa, khả năng áp dụng trực tiếp

VBPL phải được ban hành theo một quy trình, thủ tục xác định, chặt chẽ.

Tính đảm bảo bằng Nhà nước

Nhà nước ban hành pháp luật và đảm bảo pháp luật được thực hiện bằng các biện pháp: giáo dục, thuyết phục, cưỡng chế.

Pháp luật thể hiện ý chí chung, lợi ích chung của xã hội nên nếu có một hành vi đi ngược lại xã hội thì phải bị cưỡng chế nhằm đảm bảo trật tự XH.

IV. CHỨC NĂNG VÀ VAI TRÒ CỦA PHÁP LUẬT

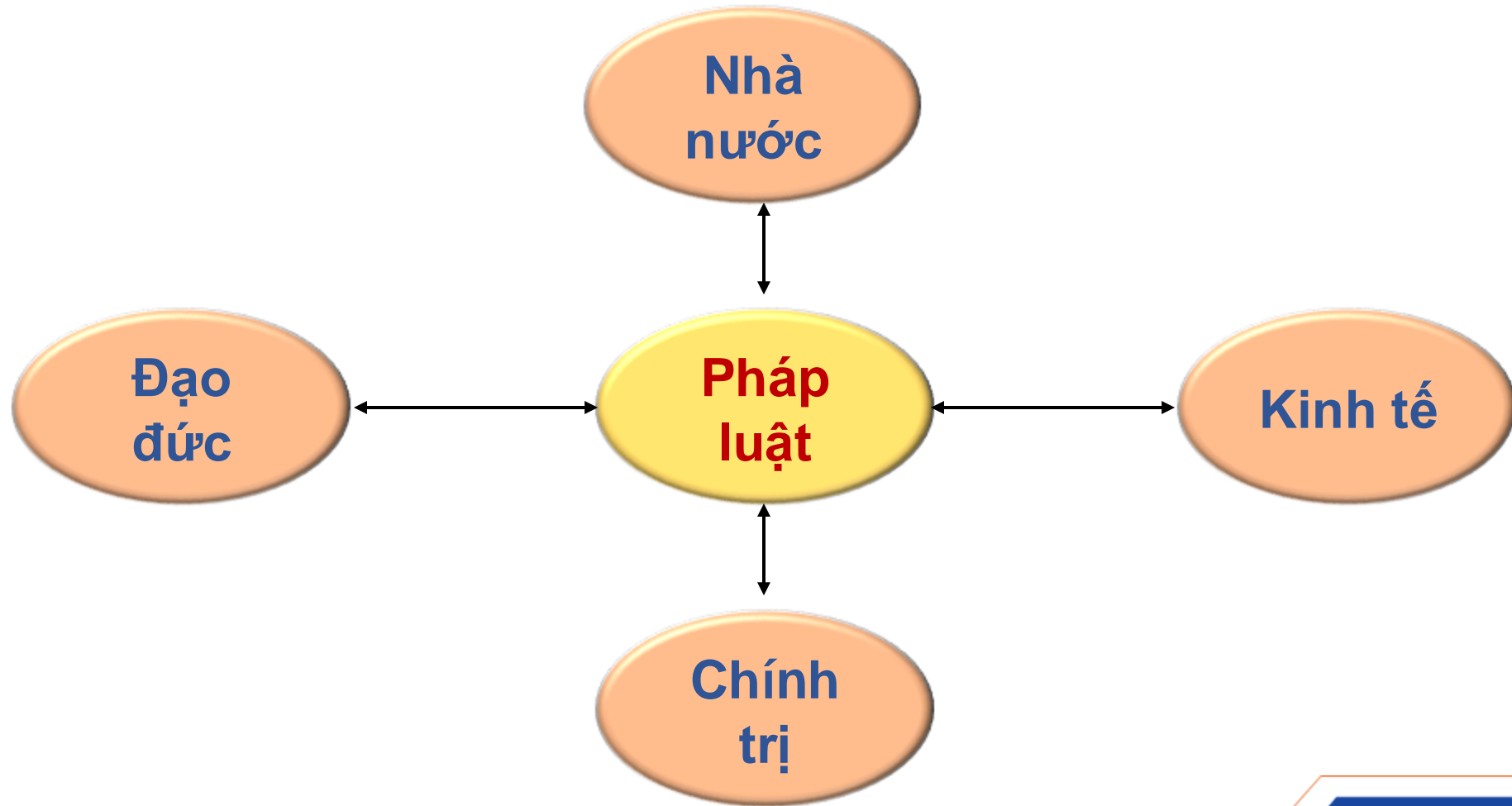
1. Chức năng

- Điều chỉnh các quan hệ xã hội
- Bảo vệ các quan hệ xã hội
- Giáo dục: Tác động vào ý thức con người → làm cho con người có cách xử sự phù hợp.

2. Vai trò của pháp luật

- Là cơ sở hoàn thiện bộ máy NN và tăng cường quyền lực NN
- Là phương tiện chủ yếu để NN quản lý mọi mặt của đời sống XH
- Là phương tiện để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân
- Góp phần tạo dựng những quan hệ mới
- Là cơ sở tạo lập mối quan hệ đối ngoại

V. MỐI QUAN HỆ GIỮA PHÁP LUẬT VỚI CÁC HIỆN TƯỢNG XÃ HỘI KHÁC



- Là công cụ để NN tổ chức Quyền lực NN
- Là công cụ để NN quản lý xã hội
- NN cũng phải tuân thủ PL

**Pháp
luật**

**Nhà
nước**

NN dùng quyền lực của mình để đảm bảo cho PL được tôn trọng và thực hiện. Khi PL không còn phù hợp thì NN phải sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ để ban hành PL mới.

- Là công cụ để triển khai các đường lối chính trị của Đảng.
(hình thức bên ngoài để cụ thể hóa các đường lối của Đảng)
- Là cơ sở Pháp lý để xây dựng đời sống chính trị

Pháp luật
(Hình
thức)



Chính trị
(Nội
dung)

- Chính trị quyết định nội dung của pháp luật.
- Hướng phát triển của PL luôn chịu ảnh hưởng của yếu tố chính trị.

- PL phản ánh sự phát triển của chế độ kinh tế
- + PL thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế
- + PL kìm hãm sự phát triển của nền kinh tế

**Pháp
luật**



Kinh tế

- Quan hệ kinh tế, chế độ kinh tế quyết định nội dung PL.
Khi quan hệ kinh tế thay đổi → PL thay đổi

- PL củng cố và phát huy vai trò thực tế của các quan niệm đạo đức;
- PL góp phần loại trừ những quan niệm đạo đức lạc hậu, trái với ý chí nhà nước.



- **Hình thành PL:** Nhiều quan niệm, quy tắc đạo đức được thừa nhận trong pháp luật
- **Thực hiện PL:** Những quy phạm đạo đức đã trở thành thói quen, thành lương tâm và niềm tin nên sẽ làm cho PL được thực hiện một cách nghiêm chỉnh hơn.

VI. KIỂU PHÁP LUẬT VÀ HÌNH THỨC CỦA PHÁP LUẬT

1. Kiểu pháp luật

1.1 Khái niệm

Kiểu pháp luật là tổng thể các dấu hiệu và đặc trưng cơ bản của pháp luật, thể hiện bản chất giai cấp và những điều kiện tồn tại, phát triển của pháp luật trong một hình thái KT-XH nhất định

Kiểu PL chủ nô

1.2 Các kiểu PL trong lịch sử

- Được xây dựng trên nền tảng chiếm hữu tư nhân của giai cấp chủ nô
- Là công cụ bảo vệ chế độ chiếm hữu nô lệ:
- Quy định đặc quyền đặc lợi của chủ nô
- Sự bất bình đẳng giữa chủ nô và nô lệ, giữa nam và nữ
- Quyền gia trưởng
- Thể hiện không rõ nét lắm vai trò quản lý XH

Kiểu PL Phong kiến

- Thể hiện ý chí của giai cấp địa chủ, phong kiến
- Bảo vệ chế độ tư hữu
- Quy định đẳng cấp trong XH
- Quy định những đặc quyền, đặc lợi của địa chủ, những hình phạt dã man

Kiểu PL Tư sản

- Là công cụ bảo vệ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất
- Quy định về quyền tự do, dân chủ của công dân, tuy thực tế vẫn còn phân biệt chủng tộc, màu da

Kiểu PL XHCN

- Thể hiện ý chí của giai cấp công nhân và nhân dân lao động
- Bảo vệ quyền lợi của nhân dân
- Những quy định nhằm hạn chế sự bóc lột, xoá bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, xoá bỏ giai cấp
- Quy định và bảo vệ quyền tự do dân chủ của nhân dân

2. Hình thức Pháp luật

2.1 Khái niệm

Hình thức pháp luật là cách thức mà giai cấp thống trị sử dụng để nâng ý chí của giai cấp mình lên thành PL, là biểu hiện bên ngoài của PL, là yếu tố chứa đựng nội dung của pháp luật.

2.2 Hình thức bên ngoài của pháp luật

- Tập quán pháp
- Tiền lệ pháp (Án lệ)
- Văn bản quy phạm pháp luật

Tập quán pháp

- Là hình thức nhà nước thừa nhận một số tập quán đã lưu truyền trong xã hội, được nhà nước công nhận là pháp luật, phù hợp với lợi ích của giai cấp thống trị, nâng chúng thành những quy tắc xử sự chung được nhà đảm bảo thực hiện.
- Ưu điểm: Quen thuộc gần gũi với Nhân dân, dễ dàng chấp nhận và thực thi.
- Nhược điểm: ít biến đổi, thiếu tính bao quát, mang tính cục bộ nên không được thừa nhận rộng rãi

Tiền lệ pháp (Án lệ)

- Là hình thức nhà nước thừa nhận các quyết định của cơ quan hành chính hoặc xét xử giải quyết những vụ việc cụ thể để áp dụng đối với các vụ việc tương tự.
- Tiền lệ pháp được hình thành từ hoạt động của cơ quan hành pháp và tư pháp chứ không phải do hoạt động của cơ quan lập pháp.

Tiền lệ pháp (Án lệ)

*Ưu điểm:

- Các đối tượng liên quan trong vụ án có thể biết trước các hậu quả pháp lý của vụ việc thì thẩm phán phải dựa vào các vụ việc trước đó
- Tiền lệ được hình thành từ thực tiễn các hoàn cảnh khác nhau trong đời sống. Do đó nó điều chỉnh được hầu hết các quan hệ phát sinh mà VBQPPL chưa quy định
- Có tính linh hoạt, đáp ứng và kịp thời điều chỉnh các quan hệ xã hội trước sự thay đổi nhanh chóng của xã hội mà không cần phải trải qua một thời gian với nhiều thủ tục phức tạp

Tiền lệ pháp (Án lệ)

*Nhược điểm:

- Số lượng án lệ ngày càng tăng, gây nhiều khó khăn trong quá trình áp dụng.
- Thiếu tính hệ thống và khái quát vì được hình thành theo tình tiết mỗi vụ việc nên khó nắm bắt, theo dõi trong quá trình áp dụng.
- Trong những điều kiện như nhau nhưng tình tiết lại hoàn toàn khác nhau gây ra sự khó khăn cho thẩm phán. Trong trường hợp này, họ phải so sánh để hình thành nên một tiền lệ mới → Gây phức tạp thêm cho quá trình áp dụng.

Văn bản quy phạm pháp luật

VB QPPL là một hình thức văn bản do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành theo thẩm quyền, hình thức, thủ tục, trình tự luật định, trong đó chứa đựng các quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung, được Nhà nước bảo đảm thực hiện nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội cơ bản và được áp dụng nhiều lần trong đời sống xã hội

- → VBQPPL là VB có chứa QPPL, được ban hành theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự thủ tục được quy định trong Luật
- → Là một hình thức thể hiện ra bên ngoài của HTPL

Loại Văn bản	Chủ thể ban hành VBQPPL	Tên bản QPPL
VB Luật	Quốc hội	Hiến pháp, Luật, Nghị quyết
VB dưới Luật	UBTVQH	Pháp lệnh, Nghị quyết, Nghị quyết liên tịch
	Chủ tịch nước	Lệnh, Quyết định
	Chính Phủ	Nghị định, Nghị quyết liên tịch
	Thủ tướng	Quyết định
	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Thông tư
	Hội đồng thẩm phán TANDTC	Nghị quyết
	Chánh án TANDTC, Viện trưởng VKSNDTC	Thông tư
	giữa CATANDTC, VTVKSNDTC, Tổng Kiểm toán nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Thông tư liên tịch (Không ban hành giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng CQNB)
	UBND các cấp	Quyết định
	HĐND các cấp	Nghị quyết
	Tổng kiểm toán nhà nước	Quyết định